

Hà Giang, ngày 23 tháng 10 năm 2019

Số: 18 /TL-BTC

## THẺ LỆ

### Cuộc thi viết “Tìm hiểu về chủ quyền biên giới đất liền, biển đảo Việt Nam”

Căn cứ Kế hoạch phối hợp số 105/KHPH-SVHTTDL-BTG, ngày 09/10/2019 giữa Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch và Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy về việc tổ chức Cuộc thi viết “Tìm hiểu chủ quyền biên giới đất liền, biển, đảo Việt Nam”.

Căn cứ Quyết định số 334/QĐ-VHTTDL ngày 18/10/2019 của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, về việc thành lập Ban tổ chức và thư ký giúp việc Ban tổ chức cuộc thi viết Cuộc thi viết “Tìm hiểu chủ quyền biên giới đất liền, biển, đảo Việt Nam”.

Ban tổ chức Cuộc thi viết “Tìm hiểu chủ quyền biên giới đất liền, biển, đảo Việt Nam” ban hành Thẻ lệ Cuộc thi, với các nội dung như sau:

#### I. ĐỐI TƯỢNG DỰ THI

Là cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân trên địa bàn toàn tỉnh Hà Giang.

#### II. NỘI DUNG HỘI THI

##### 1. Nội dung thi

Trả lời đầy đủ 10 câu hỏi có nội dung tìm hiểu những kiến thức cơ bản về biên giới đất liền và biên giới biển, đảo Việt Nam, các lực lượng vũ trang của Việt Nam đang thực hiện nhiệm vụ bảo vệ chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ; những sự kiện lịch sử về biên giới và biển, đảo...

*(Có câu hỏi và gợi ý trả lời kèm theo)*

##### 2. Hình thức thi

Cuộc thi được tổ chức theo hình thức thi viết bằng ngôn ngữ, chữ viết tiếng Việt.

#### III. QUY ĐỊNH VỀ BÀI DỰ THI

##### 1. Yêu cầu về nội dung

-Đúng chủ đề, nội dung quy định; nội dung bài dự thi không được sao, chép lại của người khác dưới mọi hình thức; nếu trích dẫn nội dung, hình ảnh, tư liệu để minh họa phải có chú thích rõ ràng về nội dung, xuất xứ của hình ảnh, tư liệu.

-Nghiêm cấm các trường hợp lợi dụng bài dự thi để vu khống, bịa đặt, xuyên tạc, chống phá Đảng và Nhà nước Việt Nam; vi phạm đạo đức và các vi phạm pháp luật khác.

-Trường hợp vi phạm các quy định trên sẽ bị hủy bài thi và hủy giải thưởng hoặc bị xử lý theo quy định của pháp luật.

##### 2. Yêu cầu về hình thức

- Bài thi viết. Người dự thi phải trả lời đầy đủ 10 câu hỏi của Ban tổ chức Cuộc thi đề ra.

- Bài dự thi ghi rõ: Bài dự thi viết “*Tìm hiểu chủ quyền biên giới đất liền, biển, đảo Việt Nam*” viết bằng tay hoặc đánh máy trên khổ giấy A4; đánh số trang theo thứ tự, đóng bìa, ghi rõ họ tên, địa chỉ cơ quan, đơn vị, nơi thường trú, số điện thoại (nếu có). (*không nhận bài tập thể hoặc đồng tác giả*).

- Khuyến khích các bài dự thi viết tay, thực hiện công phu, hình thức đẹp, có sự sáng tạo, nhiều hình ảnh minh họa phù hợp cho phần trả lời.

### **3. Số lượng bài dự thi**

Mỗi cán bộ, đảng viên, tầng lớp nhân dân chỉ được tham gia 01 bài dự thi.

### **4. Lưu giữ các bài dự thi**

- Phòng Quản lý Văn hóa - Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Hà Giang chịu trách nhiệm lưu giữ các bài dự thi.

- Ban tổ chức Hội thi có quyền được đăng tải, giới thiệu các bài dự thi đạt giải trên trang thông tin điện tử của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy, trên các phương tiện thông tin đại chúng của tỉnh và được sử dụng làm tài liệu để phục vụ nhiệm vụ.

## **IV. PHẠM VI, THỜI GIAN TỔ CHỨC CUỘC THI, ĐỊA CHỈ NHẬN BÀI DỰ THI**

### **1. Phạm vi tổ chức Cuộc thi**

Cuộc thi viết *Bài dự thi “Tìm hiểu về chủ quyền biên giới đất liền, biển đảo Việt Nam”* được phát động sâu, rộng đến tất cả các cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân trên địa bàn toàn tỉnh Hà Giang.

**2. Thời gian tổ chức, tổng kết, gửi bài, nhận bài dự thi, chấm bài và địa chỉ nhận bài dự thi**

#### **1.1. Thời gian tổ chức phát động và nhận bài dự thi**

Từ ngày 01/10/2019 đến hết ngày 25/11/2019.

#### **1.2. Địa điểm nhận bài dự thi**

Ban Tuyên giáo các huyện ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc tỉnh, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội tỉnh gửi bài thi trực tiếp (hoặc gửi qua đường bưu điện) về Phòng Thông tin - Tuyên truyền của Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Hà Giang, phường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang.

### **2. Thời gian chấm bài và tổ chức tổng kết trao giải**

- Ban tổ chức chấm bài từ ngày 01/12/2019 đến hết ngày 10/12/2019.

- Tổ chức tổng kết Cuộc thi, công bố và trao giải thưởng vào ngày 22/12/2019 nhân Kỷ niệm 75 năm Ngày thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam.

## **V. BAN GIÁM KHẢO CUỘC THI**

- Ban Giám khảo cuộc thi do Trưởng Ban Tổ chức cuộc thi quyết định thành lập.

- Ban Giám khảo có nhiệm vụ chấm thi trung thực, chính xác, công bằng và khách quan; báo cáo kết quả cuộc thi cho Ban Tổ chức.

- Ban Giám khảo cuộc thi có Thư ký giúp việc do Trưởng Ban Tổ chức Cuộc thi quyết định thành lập. Thư ký có nhiệm vụ chuẩn bị tài liệu cho việc chấm thi, nhận bài thi, ghi điểm, biên bản, tổng hợp kết quả chấm thi và thực hiện một số nhiệm vụ khác phục vụ việc chấm thi theo yêu cầu của Ban Giám khảo.

## VI. CƠ CẤU GIẢI THƯỞNG CUỘC THI

**1. Cơ cấu giải thưởng:** Tổng giải thưởng: 27 giải.

**a. Giải cá nhân** (Có 16 giải dành cho các cá nhân có bài thi đạt điểm cao).

- 01 giải nhất: 1.500.000đ/giải

- 02 giải nhì: 1.000.000đ/giải

- 03 giải ba: 750.000đ/giải

- 10 giải khuyến khích: 400.000đ/giải

\* Tổng số 2 loại giải thưởng là: 27 giải

Trường hợp các bài dự thi có số điểm bằng nhau thì bài dự thi được trình bày công phu, sinh động, có nhiều tranh ảnh minh họa sẽ được chọn để xếp loại cao hơn.

**b. Giải tập thể** (Có 11 giải dành cho các tập thể có tỷ lệ người tham viết bài dự thi nhiều và có nhiều bài thi đạt chất lượng cao nhất so với tổng số bài dự thi, thực hiện tốt công tác tổ chức cuộc thi).

- 01 giải nhất: 3.000.000đ/giải

- 02 giải nhì: 2.000.000đ/giải

- 03 giải ba: 1.500.000đ/giải

- 05 giải khuyến khích: 1.000.000đ/giải

## 2. Hình thức khen thưởng

Ban Tổ chức cuộc thi tặng Giấy chứng nhận và giải thưởng Cuộc thi cho các tập thể, cá nhân có bài thi đạt giải.

Trên đây là Thể lệ cuộc thi viết Cuộc thi viết “Tìm hiểu về chủ quyền biên giới đất liền, biển đảo Việt Nam” cho cán bộ, đảng viên và nhân trên địa bàn toàn tỉnh. Ban tổ chức Cuộc thi đề nghị lãnh đạo các Sở, ban, ngành, đoàn thể, huyện ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc tỉnh, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội tỉnh, cơ sở triển khai thực hiện.

\* Mọi vướng mắc xin liên hệ: Phòng Quản lý Văn hóa - Sở Văn hoá, Thể thao và Du Lịch, số ĐT: 0219.3875.533 hoặc Phòng Thông tin - Tuyên truyền, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy, số ĐT: 0219.3867.705 để được hướng dẫn giải quyết. /.

### Nơi nhận:

- TTr. Tỉnh ủy (Báo cáo);
- Lãnh đạo UBND tỉnh (Báo cáo);
- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy;
- BGĐ Sở VH-TT-DL;
- Các huyện ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc tỉnh (Phối hợp chỉ đạo);
- Các sở, ban, ngành trong tỉnh;
- Ban tuyên giáo các huyện, thành ủy, đảng ủy trực thuộc;
- Phòng TT-TT- Ban TG Tỉnh ủy;
- VP Sở VH-TT-DL, Phòng QL VH, KH-TC;
- Lưu: VT Sở VH-TT&DL.



**PHÓ GIÁM ĐỐC SỞ VH-TT-DL**  
**Triệu Thị Tình**

**Câu hỏi 1: Anh (chị) hãy nêu theo Công ước của Liên hợp quốc về Luật biển năm 1982, thêm lục địa được tính như thế nào? Thêm lục địa có phải là bộ phận lãnh thổ quốc gia hay không? Quy chế pháp lý của thêm lục địa là gì? Theo Công ước Liên Hợp quốc về Luật biển năm 1982, Việt Nam có những vùng biển nào?**

**Gợi ý trả lời:**

Theo Công ước của Liên hợp quốc về Luật biển năm 1982:

- Thêm lục địa bao gồm đáy biển và lòng đất dưới đáy biển bên ngoài lãnh hải của quốc gia ven biển, trên toàn bộ phần kéo dài tự nhiên của lãnh thổ đất liền của quốc gia đó cho đến bờ ngoài của rìa lục địa hoặc đến cách đường cơ sở dùng để tính chiều rộng lãnh hải 200 hải lý khi bờ ngoài của rìa lục địa ở khoảng cách gần hơn.

- Thêm lục địa không phải là bộ phận lãnh thổ của quốc gia ven biển. Quốc gia ven biển chỉ thực hiện các quyền thuộc chủ quyền đối với thêm lục địa về mặt thăm dò và khai thác tài nguyên thiên nhiên. Khi tiến hành khai thác thêm lục địa ngoài 200 hải lý, quốc gia ven biển phải đóng góp một khoản theo quy định của Công ước của Liên hợp quốc về Luật biển năm 1982.

- Chế độ pháp lý của thêm lục địa được thể hiện qua các quyền của quốc gia ven biển. Đó là việc thực hiện quyền chủ quyền đối với việc thăm dò và khai thác tài nguyên thiên nhiên trên thêm lục địa. Ngoài ra, quốc gia ven biển còn có quyền tài phán về nghiên cứu khoa học biển trên thêm lục địa của mình; quyền đối với các đảo nhân tạo, các thiết bị, công trình trên thêm lục địa; quyền bảo vệ và gìn giữ môi trường biển.

Các quốc gia khác có quyền lắp đặt các dây cáp và ống dẫn ngầm ở thêm lục địa và cần được sự thỏa thuận của quốc gia ven biển.

- Quyền chủ quyền của quốc gia ven biển đối với thêm lục địa là quan trọng nhất, thể hiện ở chỗ:

+ Đây là quyền chủ quyền của quốc gia ven biển (không phải chủ quyền) trên chính thêm lục địa của mình.

+ Quyền này có tính chất đặc quyền, nghĩa là “trường hợp quốc gia ven biển không thăm dò hoặc không khai thác tài nguyên thiên nhiên trên thêm lục địa, thì không ai có quyền tiến hành các hoạt động như vậy, nếu không có sự thỏa thuận của quốc gia đó”.

+ Quyền này tồn tại đương nhiên và ngay từ đầu, quốc gia ven biển không cần phải chiếm hữu thực sự hay danh nghĩa và không cần phải tuyên bố.

- Theo Công ước Liên Hợp quốc về Luật biển năm 1982, Việt Nam có những vùng biển là: Nội thủy, lãnh hải, vùng tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế và vùng thêm lục địa. Phạm vi và chế độ pháp lý của các vùng biển và thêm lục địa Việt Nam được quy định chi tiết trong Luật Biển Việt Nam và các văn bản quy phạm pháp luật khác.

**Câu hỏi 2. Anh (chị) hãy nêu vị trí và tiềm năng của biển, đảo Việt Nam?  
Liên hệ thực tiễn bản thân?**

**Gợi ý trả lời:**

- Vị trí địa kinh tế và địa chính trị của biển Việt Nam

Việt Nam nằm bên bờ biển Đông, có vùng biển rộng trên 1 triệu km<sup>2</sup>. Bờ biển Việt Nam dài trên 3.260 km ở cả ba hướng: Đông, Nam và Tây Nam, trung bình khoảng 100 km<sup>2</sup> đất liền có 1 km bờ biển (Cao gấp 6 lần tỷ lệ này của thế giới), không một nơi nào trên đất nước ta lại cách xa biển hơn 500 km. Ven bờ có khoảng 3.000 hòn đảo lớn, nhỏ các loại, chủ yếu nằm ở Vịnh Bắc Bộ, với diện tích khoảng 1.700 km<sup>2</sup>, trong đó, có 3 đảo có diện tích lớn hơn 100 km<sup>2</sup>, 23 đảo có diện tích lớn hơn 10 km<sup>2</sup>, 82 đảo có diện tích lớn hơn 1 km<sup>2</sup> và khoảng trên 1.400 đảo chưa có tên. Vì vậy, biển đã gắn bó mật thiết và ảnh hưởng lớn đến sự phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường của mọi miền đất nước.

Biển Đông được bao bọc bởi 10 nước và vùng lãnh thổ là Việt Nam, Trung Quốc, Philippin, Indônêxia, Brunây, Malayxia, Xingapo, Thái Lan, Campuchia và Đài Loan. Theo ước tính sơ bộ, biển Đông có ảnh hưởng trực tiếp tới cuộc sống của khoảng 300 triệu dân của các nước và vùng lãnh thổ này.

Biển Đông được coi là con đường chiến lược về giao lưu và thương mại quốc tế giữa Ấn Độ Dương và Thái Bình Dương, ở cả bốn phía đều có đường thông ra Thái Bình Dương và Ấn Độ Dương qua các eo biển. Hầu hết các nước trong khu vực châu Á - Thái Bình Dương đều có các hoạt động thương mại hàng hải rất mạnh trên biển Đông. Trong tổng số 10 tuyến đường biển lớn nhất trên thế giới hiện nay, có 5 tuyến đi qua biển Đông hoặc có liên quan đến Biển Đông.

Biển Đông (Trong đó có vùng biển Việt Nam) có vị trí địa kinh tế và chính trị quan trọng như vậy, nên từ lâu đã là nhân tố không thể thiếu trong chiến lược phát triển không chỉ của các nước xung quanh Biển Đông mà còn của một số cường quốc hàng hải khác trên thế giới. Đó cũng là lý do quan trọng dẫn đến những tranh chấp ở vùng biển này.

Vùng biển và ven biển Việt Nam nằm án ngữ trên các tuyến hàng hải và hàng không huyết mạch thông thương giữa Ấn Độ Dương và Thái Bình Dương, giữa châu Âu, Trung Cận Đông với Trung Quốc, Nhật Bản và các nước trong khu vực. Biển Đông đóng vai trò là chiếc “cầu nối” cực kỳ quan trọng, là điều kiện rất thuận lợi để giao lưu kinh tế, hội nhập và hợp tác giữa nước ta với các nước trên thế giới, đặc biệt là với các nước trong khu vực châu Á - Thái Bình Dương, khu vực phát triển kinh tế năng động và có một số trung tâm kinh tế lớn của thế giới. Biển và vùng ven biển là cửa mở

lớn, là “mặt tiền” quan trọng của đất nước để thông ra Thái Bình Dương và mở cửa mạnh mẽ ra nước ngoài. So với các vùng khác trong nội địa, vùng ven biển gồm hầu hết các đô thị lớn có kết cấu hạ tầng khá tốt; có các vùng kinh tế trọng điểm của cả nước đang được đầu tư phát triển mạnh; có nguồn tài nguyên phong phú và đa dạng, trong đó một số loại có thể trở thành mũi nhọn để phát triển; có nguồn lao động dồi dào và hệ thống giao thông đường sắt, đường thủy, đường bộ thuận tiện; là môi trường hết sức thuận lợi để tiếp nhận các nguồn vốn đầu tư trong và ngoài nước, tiếp thu công nghệ tiên tiến và kinh nghiệm quản lý hiện đại của nước ngoài, từ đó lan toả ra các vùng khác trong nội địa. Có thể nói, vùng ven biển nước ta là vùng có nhiều lợi thế hơn hẳn các vùng khác để phát triển kinh tế nhanh.

Sự hình thành mạng lưới cảng biển cùng các tuyến đường bộ, đường sắt dọc ven biển và nối với các vùng sâu trong nội địa (đặc biệt là các tuyến đường xuyên Á) sẽ cho phép vùng biển và ven biển nước ta có khả năng chuyển tải hàng hoá xuất, nhập khẩu tới mọi miền của Tổ quốc, đồng thời thu hút cả vùng Tây - Nam Trung Quốc, Lào, Đông Bắc Thái Lan và Campuchia.

Hiện nay, các nước trong khu vực đang tích cực khởi động chương trình phát triển Tiểu vùng Mê Kông, Việt Nam và Trung Quốc đang hợp tác xây dựng và thực hiện chương trình Vành đai kinh tế vịnh Bắc Bộ, coi đó là một cực tăng trưởng mới trong khuôn khổ của Khu vực Mậu dịch tự do ASEAN - Trung Quốc (CAFTA).

- Tiềm năng tài nguyên biển
  - + Tiềm năng tài nguyên về sinh vật gồm các loại hải sản, chim biển, động vật biển, thực vật biển.
  - + Tiềm năng tài nguyên phi sinh vật: Dầu khí, quặng thiếc, quặng sa khoáng, có triển vọng băng cháy lớn.
  - + Tiềm năng tài nguyên về giao thông vận tải.
  - + Tiềm năng tài nguyên về du lịch
- Liên hệ thực tiễn: ưu điểm, hạn chế trong phát huy giá trị biển, đảo Việt Nam? Trách nhiệm của mỗi cá nhân?

**Câu hỏi 3: Anh (chị) hãy nêu Nghị quyết số 09-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá X) về “Chiến lược biển Việt Nam đến năm 2020” đã đưa ra những giải pháp gì để thực hiện chiến lược biển Việt Nam đến năm 2020?**

**Gợi ý trả lời:**

- Nâng cao nhận thức về vị trí, vai trò của biển đối với sự nghiệp xây dựng và



bảo vệ Tổ quốc

- Xây dựng lực lượng mạnh để bảo vệ vững chắc chủ quyền và an ninh trên biển
- Đẩy mạnh điều tra cơ bản và phát triển khoa học - công nghệ biển
- Triển khai mạnh mẽ và có hiệu quả công tác quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế, xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh
- Quản lý Nhà nước có hiệu lực và hiệu quả với các vấn đề liên quan đến biển.
- Xây dựng đầy đủ, đồng bộ hệ thống luật pháp và cơ chế, chính sách khuyến khích đầu tư phát triển
- Phát triển nguồn nhân lực biển đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội vùng biển và ven biển.
- Tăng cường công tác đối ngoại và hợp tác quốc tế về biển
- Xây dựng một số tập đoàn kinh tế mạnh.

**Câu hỏi 4: Anh (chị) hãy cho biết Việt Nam đã chiếm hữu và thực thi quyền chủ quyền đối với quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa như thế nào?**

**Gợi ý trả lời:**

Nhà nước Việt Nam là nhà nước đầu tiên trong lịch sử đã chiếm hữu và thực thi chủ quyền của mình đối với quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa, khi chúng còn là đất vô chủ, ít nhất từ thế kỷ XVII. Việc chiếm hữu và thực thi chủ quyền này là thật sự và liên tục, hòa bình và rõ ràng. Việt Nam hoàn toàn có cơ sở pháp lý và chứng cứ lịch sử để khẳng định và bảo vệ chủ quyền hợp pháp của mình.

- Nhà nước phong kiến Việt Nam đã chiếm hữu và thực thi chủ quyền đối với quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa: Nhà nước Đại Việt thời chúa Nguyễn đã thành lập và hoạt động thường xuyên, liên tục của đội Hoàng Sa nhằm quản lý, bảo vệ, khai thác hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa. Đội Hoàng Sa, về sau lập thêm đội Bắc Hải do đội Hoàng Sa kiêm quản; Nhà nước Đại Việt thời Tây Sơn mặc dù chiến tranh nhiều trên đất liền cũng như ngoài Biển Đông nhưng lực lượng Chúa Nguyễn, Chúa Trịnh, Tây Sơn luôn có đội được giao nhiệm vụ hoạt động trong Biển Đông và đã làm chủ được từng khu vực lãnh thổ thuộc phạm vi mình quản lý. Thời Minh Mạng, năm 1833, 1834, 1836 đã chỉ thị cho Bộ Công phái người ra Hoàng Sa để dựng bia chủ quyền, đo đạc thủy trình, vẽ bản đồ...

Như vậy, suốt thời chúa Nguyễn đến thời nhà Nguyễn, đội Hoàng Sa, kiêm quản đội Bắc Hải đã đi làm nhiệm vụ quản lý nhà nước đối với quần đảo Hoàng Sa, quần đảo Trường Sa. Những hoạt động này đã được các văn bản nhà nước ghi nhận như:

Châu bản của triều đình nhà Nguyễn, các văn bản của chính quyền địa phương (tờ lệnh, tờ thư, bằng cấp...) hiện được được lưu trữ tại các cơ quan lưu trữ nhà nước.

Trong giai đoạn lịch sử này, có một chứng cứ hết sức quan trọng chứng minh nhà nước phong kiến Việt Nam đã quản lý thực sự, hiệu quả đối với hai quần đảo này. Đó là việc tổ chức đơn vị hành chính của Hoàng Sa trong hệ thống tổ chức hành chính lúc bấy giờ. Thời chúa Nguyễn, Hoàng Sa thuộc Thừa Tuyên Quảng Nam hay Quảng Nghĩa (Quảng Ngãi), lúc là phủ khi thì trấn, trong Toàn tập Thiên nam tứ chí lộ đồ thư viết đây là: “Bãi Cát vàng trong phủ Quảng Nghĩa”; sang thời Tây Sơn, phủ Quảng Nghĩa đổi thành phủ Hòa Nghĩa. Thời nhà Nguyễn, Hoàng Sa thuộc tỉnh Quảng Ngãi.

- Với tư cách là đại diện của nhà nước Việt Nam về đối ngoại, Cộng hòa Pháp đã tiếp tục thực thi chủ quyền của Việt Nam đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa.

Theo Hiệp ước Pa - tơ - nốt năm 1884, Chính quyền thuộc địa Pháp đã tiến hành các hoạt động đại diện cho Nhà nước Việt Nam trong việc tiếp tục bảo vệ, quản lý và khẳng định chủ quyền của Việt Nam đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa thông qua nhiều hoạt động chủ yếu và có giá trị pháp lý như: Tổ chức các cuộc nghiên cứu, khảo sát tại thực địa của các nhà khoa học và những trao đổi giữa những chính khách Pháp có liên quan đến quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa; dựng bia chủ quyền, đóng giữ đảo Trường Sa và các đảo, đá, bãi phụ thuộc và thông báo ngoại giao cho các cường quốc về sự kiện đóng giữ quần đảo Trường Sa theo đúng thủ tục. Ngày 11/01/1931, Thống sứ Nam kỳ thông báo cho toàn quyền Đông Dương về việc sáp nhập quần đảo Trường Sa và tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu. Năm 1938, Pháp phái các đơn vị bảo an đến đồn trú trên các đảo và xây dựng một hải đăng, một trạm khí tượng được Tổ chức Khí tượng thế giới cho đăng ký với số hiệu 48859 ở đảo Phú Lâm, một trạm vô tuyến điện TSF trên đảo Hoàng Sa. Ngày 15/6/1938, Pháp xây xong trạm khí tượng ở đảo Ba Bình, quần đảo Trường Sa. Ngày 30/3/1938, vua Bảo Đại ký Dụ số 10 sáp nhập Hoàng Sa vào tỉnh Thừa Thiên Huế. Ngày 15/6/1938, toàn quyền Đông Dương Jules Brevie ký Nghị định 156-S-V thành lập đơn vị hành chính cho quần đảo Hoàng Sa thuộc tỉnh Thừa Thiên Huế. Tháng 6/1938, một đơn vị lính bảo an Việt Nam được phái ra đồn trú tại quần đảo Hoàng Sa. Một bia chủ quyền đã được dựng tại đảo Hoàng Sa.

Trong chiến tranh thế giới thứ 2, Nhật Bản tuyên bố sáp nhập các quần đảo trong Biển Đông vào các vùng lãnh thổ mà Nhật đã chiếm đóng. Ngày 4/4/1939, Chính phủ Pháp gửi Công hàm phản đối các quyết định nói trên của Nhật và bảo lưu quyền của Pháp tại quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa. Ngày 26/11/1943, Tuyên bố Cario về kết thúc chiến tranh với Nhật và giải quyết các vấn đề chiến tranh, trong đó có vấn đề lãnh thổ khác bị Nhật chiếm đóng từ khi bắt đầu cuộc chiến tranh thế giới thứ I năm 1914. Tháng 7/1945, Tuyên bố Posdam khẳng định các điều khoản của Tuyên bố Cario sẽ được thực hiện. Ngày 15/8/1945, Nhật thua



trận phải rút khỏi Đông Dương và ngày 26/8/1945, quân đội Nhật phải rút khỏi quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa.

- Thực thi chủ quyền của Việt Nam đối với hai quần đảo Trường Sa và Hoàng Sa

Trong hoàn cảnh lịch sử cuối năm 1946 đầu năm 1947, mặc dù Việt Nam đã tuyên bố độc lập ngày 02/9/1945, không còn ràng buộc vào Hiệp ước Pa- tơ- nốt 1884, song Pháp cho rằng theo Hiệp định sơ bộ ngày 6/3/1946, Việt Nam Dân chủ Cộng hòa còn nằm trong khối Liên hiệp Pháp, về ngoại giao vẫn thuộc Pháp, nên Pháp có nhiệm vụ thực thi quyền đại diện Việt Nam trong vấn đề chống lại mọi xâm phạm chủ quyền của Việt Nam tại quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa.

Theo Hiệp định ngày 8/3/1949, Pháp dựng lên chính quyền thân Pháp, gọi là Quốc gia Việt Nam do cựu hoàng Bảo Đại đứng đầu. Tuy nhiên, trong thực tế quân đội Pháp vẫn làm chủ Biển Đông, trong đó có hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa.

Năm 1949, tổ chức Khí tượng thế giới OMM đã chấp nhận đơn xin đăng ký danh sách các trạm khí tượng do Pháp xây dựng tại quần đảo Trường Sa và Hoàng Sa vào danh sách các trạm khí tượng thế giới: Trạm Phú Lâm, số hiệu 48859, Trạm Hoàng Sa số ký hiệu 48860, Trạm Ba Bình số hiệu 48419. Ngày 8/3/1949, Pháp ký với Bảo Đại Hiệp định Hạ Long trao trả độc lập cho chính phủ Bảo Đại, tháng 4/1949, Hoàng Thân Bửu Lộc, tuyên bố khẳng định lại chủ quyền của Việt Nam đối với Hoàng Sa. Ngày 14/10/1950, Tổng trấn Trung phần Phan Văn Giáo đã chủ trì việc bàn giao quản lý quần đảo Hoàng Sa giữa Chính phủ Pháp và Chính phủ Bảo Đại.

Năm 1951, Hội nghị San Fransico có đại diện của 51 nước tham dự để ký kết Hòa ước với Nhật. Tại phiên họp toàn thể mở rộng, ngày 5/9/1951, với 48 phiếu chống, 3 phiếu thuận, đã bác bỏ đề nghị của ngoại trưởng Gromurco (Liên Xô cũ) về việc tu chỉnh khoản 13 của Dự thảo Hòa ước, trong đó có nội dung: Nhật thừa nhận chủ quyền của CHND Trung Hoa đối với quần đảo Hoàng Sa và những đảo xa hơn nữa về phía Nam. Ngày 7/9/1951, Thủ tướng kiêm Ngoại trưởng của Chính phủ quốc gia Việt Nam Trần Văn Hữu đã long trọng tuyên bố hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa là lãnh thổ của Việt Nam, không có một đại biểu nào trong Hội nghị có bình luận gì về Tuyên bố này. Ngày 8/9/1951, Hòa ước với Nhật được ký kết. Điều 2, Đoạn 7 của Hòa ước đã ghi rõ: Nhật Bản từ bỏ chủ quyền, danh nghĩa và tham vọng đối với các quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa.

Ngày 20/7/1954, Hiệp ước Giơ - ne- vơ được ký kết đã công nhận một nước có nền độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ và thống nhất. Hiệp ước đã quy định lấy sông Bến Hải (Vĩ tuyến 17) làm giới tuyến để phân chia quyền quản lý lãnh thổ giữa 2 miền Nam - Bắc Việt Nam. Giới tuyến tạm thời này cũng được kéo dài bằng một đường thẳng từ bờ biển ra ngoài khơi. Quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa nằm dưới vĩ tuyến 17 nên thuộc quyền quản lý của chính quyền Miền Nam Việt Nam.

Năm 1956, khi quân đội viễn chinh Pháp rút khỏi Đông Dương, quân đội quốc gia Việt Nam, về sau là Việt Nam Cộng hòa, đã tiếp quản nhóm phía Tây quần đảo Hoàng Sa. Trước hành động xâm chiếm một số đảo ở quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa do Trung Quốc và Phi líp pin tiến hành vào thời điểm giao thời này,

Chính phủ Việt Nam Cộng hòa đã lên tiếng phản đối và ra thông cáo nhấn mạnh quần đảo Hoàng Sa cùng quần đảo Trường Sa “luôn là một phần của Việt Nam” và tuyên bố khẳng định chủ quyền từ lâu đời của Việt Nam.

Tháng 8/1956, tàu HQ04 của Hải quân Việt Nam Cộng hòa đã ra quần đảo Trường Sa cắm bia chủ quyền, dựng cờ, bảo vệ quần đảo trước hành động xâm chiếm trái phép, vi phạm chủ quyền Việt Nam của Đài Loan và Philíp. Tháng 10/1956, Việt Nam Cộng hòa đã ra Sắc lệnh đặt quần đảo Trường Sa trực thuộc tỉnh Phước Tuy. Năm 1971, tại Hội nghị ASPEC Manila, Bộ trưởng Ngoại giao Việt Nam Cộng hòa đã tuyên bố khẳng định quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa thuộc chủ quyền của Việt Nam. Từ 17-20/1/1974, Trung Quốc huy động lực lượng quân sự đánh chiếm nhóm phía Tây, quần đảo Hoàng Sa. Mặc dù đã chiến đấu quả cảm, nhiều binh sỹ đã anh dũng hy sinh, quân lực Việt Nam Cộng hòa đã không can phá được hành động xâm lược của Trung Quốc. Tuy nhiên trên mặt trận ngoại giao Việt Nam Cộng hòa đã lên tiếng phản đối mạnh mẽ trước Liên Hợp quốc và cộng đồng quốc tế: Ngày 19/01/1974, Bộ Ngoại giao Việt Nam Cộng hòa đã ra Tuyên cáo kêu gọi các dân tộc yêu chuộng công lý và hòa bình lên án hành động xâm lược thô bạo của Trung Quốc. Trong thời gian này, Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa Miền Nam Việt Nam đã tuyên bố nêu rõ lập trường của mình trước sự kiện này: Chủ quyền và sự toàn vẹn lãnh thổ là những vấn đề thiêng liêng đối với mỗi dân tộc; vấn đề biên giới và lãnh thổ là vấn đề mà giữa các nước láng giềng thường có những tranh chấp do lịch sử để lại; các nước liên quan cần xem xét vấn đề này trên tinh thần bình đẳng, tôn trọng lẫn nhau, hữu nghị và láng giềng tốt và phải giải quyết bằng thương lượng.

Ngày 01/02/1974, Việt Nam Cộng hòa tăng cường lực lượng đóng giữ, bảo vệ quần đảo Trường Sa trong tình hình Trung Quốc tăng cường sức mạnh tiến hành xâm chiếm lãnh thổ Việt Nam. 7/1974, tại Hội nghị Luật biển lần thứ 3 của Liên Hợp quốc tại Caracas, đại biểu Việt Nam Cộng hòa đã lên tiếng tố cáo Trung Quốc xâm chiếm quần đảo Hoàng Sa bằng vũ lực và khẳng định quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa là lãnh thổ của Việt Nam, chủ quyền của Việt Nam đối với hai quần đảo này là không tranh chấp và không thể chuyển nhượng.

Ngày 14/2/1975, Việt Nam Cộng hòa công bố Sách Trắng về chủ quyền của Việt Nam đối với quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa. Từ đó đến nay, Việt Nam thực thi chủ quyền của Việt Nam đối với hai quần đảo Trường Sa và Hoàng Sa thông qua các hoạt động: Bộ tư lệnh Hải quân nhân dân Việt Nam đã triển khai kế hoạch tiếp quản quần đảo Trường Sa; lực lượng quân đội Nhân dân Việt Nam đã tiếp quản các đảo có quân đội Việt Nam Cộng hòa đóng giữ, đồng thời triển khai lực lượng đóng giữ các đảo, một số vị trí khác trong quần đảo Trường Sa. Tại Kỳ họp thứ I, Quốc hội khóa 6 (1976-1981), Quốc hội nước Việt đã ra quyết định đổi tên nước là nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hoàn toàn có nghĩa vụ, quyền hạn tiếp tục quản lý và bảo vệ chủ quyền của Việt Nam đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa. Năm 1977, Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ra tuyên bố về các vùng biển

và thêm lục địa của Việt Nam, trong đó khẳng định chủ quyền của Việt Nam đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa. Năm 1982, Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ra Tuyên bố về hệ thống đường cơ sở dùng để tính chiều rộng lãnh hải ven bờ lục địa Việt Nam, ký quyết định thành lập huyện Hoàng Sa thuộc tỉnh Quảng Nam- Đà Nẵng. Năm 1982, Quốc hội khóa 7, nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ra nghị quyết sáp nhập huyện Trường Sa và tỉnh Phú Khánh. Năm 2007, Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký Nghị định quyết định thành lập 3 đơn vị hành chính trực thuộc huyện Trường Sa, gồm: Thị trấn Trường Sa, gồm đảo Trường Sa Lớn và phụ cận; xã Song Tử Tây, gồm đảo Song Tử Tây và phụ cận; xã Sinh Tồn, gồm đảo Sinh Tồn và phụ cận.

Năm 1988, Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa đã huy động lực lượng vũ trang đánh chiếm các bãi cạn phía Tây Bắc quần đảo Trường Sa. Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã thông báo cho Liên Hợp quốc và gửi công hàm tố cáo, phản đối Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa đã đánh chiếm các bãi cạn thuộc quần đảo Trường Sa: Chũ Thập, Châu Viên, Gaven, Tư Nghĩa, Gạc Ma, Su Bi.

Năm 1979, 1981, 1988, Bộ Ngoại giao nước CHXHCN Việt Nam công bố sách Trắng khẳng định chủ quyền của Việt Nam đối quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa.

Năm 1989, tỉnh Phú Khánh được tái thành hai tỉnh Phú Yên và Khánh Hòa, huyện đảo Trường Sa thuộc tỉnh Khánh Hòa. Năm 1997, Đà Nẵng tách khỏi tỉnh Quang Nam- Đà Nẵng trở thành thành phố trực thuộc Trung ương, huyện đảo Hoàng Sa thuộc thành phố Đà Nẵng.

Cho đến nay, ngoài những hoạt động kể trên, Việt Nam đang đóng giữ và quản lý 21 vị trí tại quần đảo Trường Sa; không ngừng củng cố và phát triển các cơ sở vật chất phục vụ đời sống kinh tế, xã hội, an ninh, quốc phòng của huyện Trường Sa thuộc tỉnh Khánh Hòa; đồng thời chủ trương nhất quán của Việt Nam là kiên quyết, kiên trì đấu tranh bằng các biện pháp hòa bình, phù hợp với luật pháp quốc tế, Công ước của Liên hợp quốc về Luật Biển 1982 trước bất cứ hành vi nào xâm phạm chủ quyền, quyền chủ quyền và quyền tài phán của Việt Nam trên các vùng biển được xác định phù hợp với Công ước của Liên hợp quốc về Luật Biển 1982. Việt Nam hết sức coi trọng hòa bình, hữu nghị, hợp tác, thiện chí và sẵn sàng giải quyết các tranh chấp, bất đồng bằng các biện pháp hòa bình.

**Câu hỏi 5. Anh (chị) hãy nêu tình hình biển, đảo của Việt Nam hiện nay? Nhiệm vụ của bản thân cần làm gì để bảo vệ chủ quyền biển, đảo Việt Nam?**

**Gợi ý trả lời:**

- Thực trạng biển, đảo Việt Nam.
- Âm mưu, hoạt động của Trung Quốc đối với vùng biển, đảo nói chung và biển, đảo thuộc quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán của Việt Nam.
- Nhiệm vụ của bản thân cần làm gì để bảo vệ chủ quyền biển, đảo Việt Nam.

**Câu 6: Anh (chị) hãy cho biết biên giới đất liền nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tiếp giáp những nước nào? Anh, chị hãy kể tên các tỉnh tiếp giáp và đoạn biên giới từng nước?**

**Gợi ý trả lời:**

\* Biên giới đất liền nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tiếp giáp với ba nước, gồm: Trung Quốc - Lào - Campuchia.

\* Các tỉnh tiếp giáp và đoạn biên giới từng nước:

- Việt Nam - Trung Quốc

Biên giới đất liền Việt Nam - Trung Quốc dài 1.406km tiếp giáp giữa 7 tỉnh của Việt Nam từ Tây sang Đông là Điện Biên, Lai Châu, Lào Cai, Hà Giang, Cao Bằng, Lạng Sơn và Quảng Ninh với tỉnh Vân Nam và khu tự trị dân tộc choang - Quảng Tây Trung Quốc.

- Việt Nam - Lào

Đường biên giới Việt Nam - Lào dài 2.337,459 km, tiếp giáp giữa 10 tỉnh của Việt Nam (Điện Biên, Sơn La, Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế, Quảng Nam và Kon Tum) với 10 tỉnh của Lào (Phông Sa Lỳ, Luông Phạ Băng, Hủa Phăn, Bô Ly Khăm Xay, Khăm Muộn, Sạ Vẳn Nạ Khệt, Sả Lạ Vẳn, Xiêng Khoảng, Sê Kông và Ất Tạ Pư).

- Việt Nam - Campuchia

Việt Nam - Campuchia có chung đường biên giới trên đất liền dài khoảng 1.137km, đi qua 10 tỉnh của Việt Nam (Kon Tum, Gia Lai, Đắk Lắk, Đắk Nông, Bình Phước, Tây Ninh, Long An, Đồng Tháp, An Giang và Kiên Giang), tiếp giáp 9 tỉnh của Campuchia (Rattanakiri, Mondulkiri, Kratié, Tboung Khmum, Svayrieng, Preyvang, Kandal, Takeo và Kampot).

**Câu hỏi 7: Anh (chị) hãy nêu Luật Biên giới Quốc gia được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua vào ngày, tháng, năm nào? Có bao nhiêu Chương, Điều ? Anh, chị hãy cho biết nội dung xác định giới hạn lãnh thổ đất liền, vùng biển, lòng đất vùng trời của chủ quyền lãnh thổ Việt Nam? công tác phân giới cắm mốc biên giới đất liền Việt - Trung được tiến hành dựa trên những cơ sở pháp lý, kỹ thuật nào?**

**Gợi ý trả lời:**

- Luật Biên giới Quốc gia được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (Khóa XI) thông qua ngày 17/6/2003, có hiệu lực từ ngày 01/01/2004.

- Luật Biên giới Quốc gia có 6 Chương, 41 Điều.

\* Nội dung xác định giới hạn của chủ quyền lãnh thổ Việt Nam

Tại Điều 5, Chương I, Luật biên giới quốc gia như sau:

- Biên giới quốc gia được xác định bằng điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết hoặc gia nhập hoặc do pháp luật Việt Nam quy định.

- Biên giới quốc gia trên đất liền được hoạch định và đánh dấu trên thực địa bằng hệ thống mốc quốc giới.

- Biên giới quốc gia trên biển được hoạch định và đánh dấu bằng các tọa độ trên hải đồ là ranh giới phía ngoài lãnh hải của đất liền, lãnh hải của đảo, lãnh hải của quần đảo của Việt Nam được xác định theo Công ước của Liên hợp quốc về Luật biển năm 1982 và các điều ước quốc tế giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và các quốc gia hữu quan.

Các đường ranh giới phía ngoài vùng tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền về kinh tế và thềm lục địa xác định quyền chủ quyền, quyền tài phán của Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam theo Công ước của Liên hợp quốc về Luật biển năm 1982 và các điều ước quốc tế giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và các quốc gia hữu quan.

- Biên giới quốc gia trong lòng đất là mặt thẳng đứng từ biên giới quốc gia trên đất liền và biên giới quốc gia trên biển xuống lòng đất.

Ranh giới trong lòng đất thuộc vùng biển là mặt thẳng đứng từ các đường ranh giới phía ngoài của vùng đặc quyền về kinh tế, thềm lục địa xuống lòng đất xác định quyền chủ quyền, quyền tài phán của Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam theo Công ước của Liên hợp quốc về Luật biển năm 1982 và các điều ước quốc tế giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và các quốc gia hữu quan.

- Biên giới quốc gia trên không là mặt thẳng đứng từ biên giới quốc gia trên đất liền và biên giới quốc gia trên biển lên vùng trời.

\* Công tác phân giới cắm mốc được tiến hành dựa trên những cơ sở pháp lý, kỹ thuật:

- "Hiệp ước biên giới trên đất liền giữa nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa" ký ngày 30 tháng 12 năm 1999.

- "Hiệp định giữa nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa về phân định lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa giữa hai nước trong vịnh Bắc Bộ" ký ngày 25 tháng 12 năm 2000.

- "Hiệp ước về xác định giao điểm đường biên giới giữa nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào và nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa" ký ngày 10 tháng 10 năm 2006.

- Biên bản đàm phán từ Vòng I đến Vòng III của Ủy ban liên hợp phân giới cắm mốc.

- Biên bản đàm phán từ Vòng I đến vòng IV của Chuyên gia trong ủy ban liên hợp phân giới cắm mốc.

- Biên bản đàm phán từ Vòng I đến Vòng XVII của Nhóm Chuyên gia trong Ủy ban liên hợp phân giới cắm mốc.

**Câu hỏi 8. Anh (chị) hãy cho biết biên giới tỉnh Hà Giang có bao nhiêu kilômét đường biên giới? bao nhiêu mốc quốc giới, thuộc bao nhiêu xã, thị trấn biên giới? Anh, chị hãy nêu ý nghĩa PGCM biên giới trên đất liền Việt - Trung?**

**Gợi ý trả lời:**

- Biên giới tỉnh Hà Giang có 277,928 km đường biên giới, cắm 442 mốc (trong đó có 358 mốc chính, 84 mốc phụ), thuộc 32 xã, 02 thị trấn của 7 huyện biên giới (Mèo Vạc, Đông Văn, Yên Minh, Quản Bạ, Vị Xuyên, Xín Mần, Su Phi).

\* Ý nghĩa PGCM biên giới trên đất liền Việt - Trung

- Việc tuyên bố kết thúc PGCM ngày 31/12/2008 có ý nghĩa lịch sử vô cùng to lớn, mở ra một trang mới trong quan hệ hai nước, đánh dấu một bước ngoặt quan trọng trong lịch sử xây dựng đường biên giới Việt - Trung thành một đường biên giới hoà bình, hữu nghị, ổn định, hợp tác và phát triển giữa hai nước.

- Góp phần giải quyết được hai trong ba vấn đề lớn do lịch sử để lại trong quan hệ Việt - Trung. Điều này chứng tỏ hai Đảng Cộng sản, hai Nhà nước xã hội chủ nghĩa hoàn toàn có đủ khả năng để giải quyết mọi bất đồng bằng biện pháp hoà bình; thúc đẩy quan hệ hợp tác hữu nghị và toàn diện giữa hai nước

- Đáp ứng được nguyện vọng và lợi ích chung của nhân dân hai nước; góp phần tạo dựng và duy trì môi trường hoà bình, ổn định trong khu vực và trên thế giới.



- Mang một giá trị thực tiễn vô cùng quan trọng, thể hiện rõ quyết tâm của hai Đảng, hai Chính phủ, hai dân tộc trong việc giải quyết bằng thương lượng hoà bình tất cả các vấn đề biên giới lãnh thổ còn tồn đọng trong quan hệ hai nước.

- Lần đầu tiên trong lịch sử, hai nước Việt Nam - Trung Quốc độc lập, có chủ quyền đã hoạch định rõ ràng đường biên giới giữa hai nước bằng các văn bản pháp lý và phân giới, đánh dấu rõ đường biên giới này bằng một hệ thống mốc giới thống nhất, đẹp, chính quy, hiện đại trên thực địa thay cho hệ thống mốc giới cũ do Pháp và nhà Thanh cắm trước đây.

- Tạo cơ sở để các ngành chức năng tiến hành quản lý biên giới một cách hiệu quả, nhân dân sống ở khu vực biên giới giữa hai nước sẽ dễ dàng nhận biết được đường biên giới, cùng nhau bảo vệ đường biên mốc giới, sẽ tránh được hiện tượng xâm canh, xâm cư do thiếu hiểu biết về đường biên giới.

Đạt được kết quả quan trọng này trước hết là nhờ ý chí phấn đấu và sự nỗ lực to lớn, quyết tâm vượt qua mọi khó khăn gian khổ của các lực lượng tham gia phân giới cắm mốc, đặc biệt là của Ủy ban liên hợp PGCM. Kết quả này cũng là thành quả, công sức đóng góp chung của nhiều lực lượng từ TW đến địa phương dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo sát sao của Đảng, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Tỉnh uỷ, UBND tỉnh, Ban Chỉ đạo PGCM các tỉnh; là sự phối hợp chỉ đạo, hỗ trợ nhiệt tình, có trách nhiệm của các cơ quan Trung ương và đặc biệt là sự ủng hộ tích cực của đồng bào các dân tộc tại các khu vực biên giới Việt - Trung.

**Câu hỏi 9: Anh (chị) hãy nêu quan điểm của Đảng về bảo vệ biên giới quốc gia?**

**Gợi ý trả lời**

Biên giới quốc gia là thiêng liêng, bất khả xâm phạm; được xây dựng, quản lý và bảo vệ vững chắc cả thời bình và thời chiến. Bảo vệ biên giới quốc gia là tổng thể các biện pháp nhằm bảo vệ chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc; bảo vệ tính uy nghiêm, biểu tượng quốc gia ở biên giới, cửa khẩu; bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân, lợi ích quốc gia - dân tộc, tài nguyên, môi trường sinh thái, an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội và phòng thủ vững chắc khu vực biên giới. Cụ thể:

- Giữ vững và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý Nhà nước; củng cố, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc, xây dựng "thế trận lòng dân" vững chắc là nhân tố quyết định thắng lợi của sự nghiệp bảo vệ biên giới quốc gia.



- Quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia là nhiệm vụ trọng yếu, thường xuyên của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân, của cả hệ thống chính trị và cả nước; dựa vào dân, lấy dân làm gốc, nhân dân là chủ thể, "mỗi người dân biên giới là một cột mốc sống"; lực lượng vũ trang nhân dân làm nòng cốt; Bộ đội Biên phòng là lực lượng chuyên trách, lực lượng chiến đấu đầu tiên, bám trụ đến cùng để bảo vệ và giữ vững biên giới quốc gia.

- Quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia đặt trong tổng thể hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng bảo vệ Tổ quốc. kết hợp chặt chẽ giữa xây dựng, quản lý với bảo vệ biên giới quốc gia, lấy xây dựng là trung tâm, quản lý, bảo vệ là trọng yếu, thường xuyên phát triển kinh tế - xã hội gắn với củng cố, tăng cường quốc phòng, an ninh, đối ngoại, phát huy sức mạnh tổng hợp để quản lý, bảo vệ và phòng thủ vững chắc biên giới quốc gia.

- Kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ vững chắc chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc ở khu vực biên giới. Giải quyết mọi bất đồng, tranh chấp chủ quyền, lãnh thổ bằng biện pháp hòa bình trên cơ sở luật pháp, thông lệ quốc tế; "vừa hợp tác, vừa đấu tranh" và sẵn sàng kết hợp các biện pháp, hình thức khác làm thất bại mọi âm mưu, thủ đoạn và hoạt động xâm phạm, xâm chiếm biên giới quốc gia.

- Phát huy sức mạnh toàn dân tộc kết hợp với sức mạnh thời đại, dựa vào nội lực là chính, kết hợp với tăng cường, mở rộng hợp tác quốc tế, xây dựng, quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia hòa bình, ổn định, hữu nghị, hợp tác, phát triển, văn minh, hiện đại; phòng thủ vững chắc biên giới quốc gia.

**Câu hỏi 10: Anh (chị) hãy cho biết trách nhiệm của của cấp ủy, chính quyền địa phương, các cơ quan, đơn vị? Quyền chúng nhân dân trong thực hiện các văn kiện biên giới đất liền Việt Nam - Trung Quốc, để góp phần xây dựng biên giới hòa bình, hữu nghị và phát triển?**

**Gợi ý trả lời:**

\* Trách nhiệm của cấp ủy, chính quyền địa phương và các cơ quan, đơn vị:

- Triển khai thực hiện tốt việc nhận biết đường biên giới; tạo điều kiện thuận lợi cho công tác quản lý, bảo vệ biên giới.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động nhân dân trên địa bàn thực hiện tốt các nội dung của ba văn kiện biên giới (Nghị định thư phân giới cắm mốc; Hiệp định về quy chế quản lý biên giới và Hiệp định về cửa khẩu và quy chế quản lý cửa khẩu).

- Phối hợp chặt chẽ với Bộ đội Biên phòng giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội khu vực biên giới. Quan hệ, phối hợp với chính quyền địa phương và

lực lượng bảo vệ biên giới phía Trung Quốc giải quyết các vụ việc xảy ra trên biên giới có liên quan đến hai nước một cách kịp thời, đúng theo Hiệp định đã ký kết giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa.

\* Trách nhiệm của quần chúng nhân dân:

*Một là*, không ngừng nâng cao ý thức trách nhiệm trong bảo vệ biên giới, mốc giới; nêu cao tinh thần cảnh giác cách mạng, kiên quyết đấu tranh với những âm mưu, thủ đoạn của các thế lực cơ hội, thù địch nhằm chia rẽ khối đại đoàn kết dân tộc, xuyên tạc đường lối, chính sách đối ngoại của Đảng, Nhà nước ta; chia rẽ mối quan hệ giữa nước ta với Trung Quốc và các nước khác trong khu vực.

*Hai là*, qua các phương tiện thông tin đại chúng; qua các buổi nói chuyện, phổ biến giáo dục pháp luật do địa phương và Đoàn Biên phòng tổ chức tìm hiểu nắm vững và chấp hành nghiêm Hiệp ước biên giới trên đất liền Việt Nam - Trung Quốc và các văn bản khác có liên quan.

*Ba là*, tích cực tham gia và vận động mọi người chấp hành nghiêm các quy định của Luật Biên giới quốc gia, hiệp định biên giới, các quy định của địa phương về an ninh trật tự, cư trú, ra vào hoạt động ở khu vực biên giới; tích cực tham gia các hoạt động, phong trào bảo vệ đường biên giới quốc gia, mốc quốc giới.

*Bốn là*, không xuất, nhập cảnh trái phép, không buôn lậu, tiếp tay cho hoạt động buôn lậu; không mua, bán, vận chuyển, sử dụng và tàng trữ các chất ma túy, chất gây nghiện; mua bán, tàng trữ, sử dụng trái phép vũ khí, chất nổ; buôn bán người đặc biệt là phụ nữ, trẻ em qua biên giới...các tệ nạn xã hội.

*Năm là*, khi phát hiện những hành vi vi phạm chủ quyền lãnh thổ, tài nguyên môi trường, lợi ích quốc gia những thay đổi của dấu hiệu đường biên giới quốc gia, mốc quốc giới phải báo ngay cho trưởng xóm, bản, chính quyền xã và Đoàn Biên phòng để kịp thời giải quyết.

*Sau là*, tích cực tham gia phát triển kinh tế, xã hội; gắn sản xuất, canh tác nông lâm nghiệp trên biên giới với bảo vệ đường biên, mốc quốc giới; luôn đoàn kết và giúp đỡ cán bộ, chiến sĩ Bộ đội Biên phòng trong thực hiện nhiệm vụ. Giữ vững mối quan hệ dòng tộc, quan hệ nhân dân hai bên biên giới để bảo vệ, xây dựng biên giới hòa bình, hữu nghị, ổn định lâu dài.